

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO - BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2007

Số: 06/2007/TTLT-BGDĐT-
BNV-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006
của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục
công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế -
xã hội đặc biệt khó khăn**

Căn cứ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

a) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (kể cả những người trong thời gian thử

việc, hợp đồng) hưởng lương theo ngạch, bậc quy định của Nhà nước thuộc biên chế trả lương ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) không thuộc biên chế nhà nước hoặc đang trong thời gian thử việc hay hợp đồng hưởng lương từ nguồn thu hợp pháp không thuộc ngân sách nhà nước hiện đang công tác ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Cán bộ quản lý giáo dục quy định tại điểm a và b nêu trên, bao gồm:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các trung tâm, cơ sở giáo dục và đào tạo;

- Các nhà giáo (bao gồm cả những người đã là Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các trung tâm, cơ sở giáo dục và đào tạo) được phân công làm việc tại các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục và đào tạo hoặc công tác tại các phòng giáo dục và đào tạo mà cơ quan phòng giáo dục và đào tạo đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Phạm vi áp dụng

a) Các trường chuyên biệt, bao gồm:

- Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học;

- Trường trung học phổ thông chuyên;

- Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao;

- Trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật;

- Trường giáo dưỡng.

b) Danh mục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 163/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn hoàn thành cơ bản mục tiêu

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005); Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) và các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

c) Cơ sở giáo dục và đào tạo, bao gồm: nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, trường mẫu giáo, mầm non, phổ thông, bổ túc văn hóa (chưa hoàn thành việc chuyển đổi theo Luật Giáo dục năm 2005), trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học; các trung tâm: kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, giáo dục thường xuyên, nuôi dạy trẻ tàn tật, khuyết tật.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này ngoài việc hưởng các chính sách như cán bộ, công chức, viên chức công tác trong ngành giáo dục còn được hưởng thêm các chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư này.

b) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này khi nghỉ hưu hoặc thôi việc thì không hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư này.

Các chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư này không dùng để tính các chế độ phụ cấp khác, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc.

c) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này công tác ở trường chuyên biệt không đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chỉ hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi quy định cho các trường chuyên biệt hướng dẫn tại các khoản 1, 2 và 3 mục II của Thông tư này.

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này công tác ở trường chuyên biệt mà trường chuyên biệt đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì hưởng đủ các chế độ phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi quy định từ khoản 1 đến khoản 11 tại mục II của Thông tư này.

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này công tác ở các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chỉ hưởng các chế độ

phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi quy định cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ khoản 1 đến khoản 11 (trừ khoản 3) tại mục II của Thông tư này.

d) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi quy định tại Thông tư này do nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước chi trả.

Ngân sách trung ương chi trả cho các nhà giáo, CBQLGD đang công tác ở trường chuyên biệt, các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc các bộ, ngành Trung ương quản lý. Ngân sách địa phương chi trả cho các nhà giáo, CBQLGD đang công tác ở trường chuyên biệt, các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc địa phương quản lý.

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ sở giáo dục và đào tạo vận dụng, thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi quy định tại Thông tư này từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

e) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này đang công tác ở các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khăn đã hoàn thành cơ bản Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 quy định tại Quyết định số 163/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn hoàn thành cơ bản mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005) được hưởng các chế độ đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Thông tư này đến hết ngày 31/12/2008.

Trường hợp Thủ tướng Chính phủ có quyết định về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn hoàn thành cơ bản mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010, nhà giáo, CBQLGD công tác tại các xã này được hưởng các chế độ đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Thông tư này và quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

II. CÁC CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này hiện đang công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

- Được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ thì được đài thọ tiền mua tài liệu học tập (không tính tài liệu tham khảo), tiền học phí và thanh toán tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở, phụ cấp công tác trong thời gian đi học theo chế độ công tác phí hiện hành;

- Khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học (đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, được cấp bằng lao động sáng tạo) thì được đơn vị tổ chức đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước mỗi năm ít nhất 1 lần và được đài thọ chi phí bao gồm tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở, công tác phí theo chế độ công tác phí hiện hành và các chi phí khác cho việc tổ chức đi tham quan thực tế phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và trong phạm vi dự toán được duyệt.

b) Hàng năm, ngay từ đầu năm học, các trường chuyên biệt, các cơ sở giáo dục và đào tạo đóng trên địa bàn thuộc

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn căn cứ vào biên chế năm học lập kế hoạch cử nhà giáo, CBQLGD đi học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ; kế hoạch tổ chức cho các nhà giáo, CBQLGD có thành tích xuất sắc đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước kèm theo dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo trực tiếp phê duyệt.

Các trường chuyên biệt, các cơ sở giáo dục và đào tạo đang quản lý các nhà giáo, CBQLGD thực hiện việc thanh toán các khoản tiền mua tài liệu học tập, tiền học phí theo hóa đơn tài chính và biên lai thu của cơ sở đào tạo; tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở, công tác phí trong thời gian đi học theo chế độ công tác phí hiện hành.

Khoản tiền mua tài liệu học tập, tiền học phí, tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở, công tác phí, chi phí tổ chức đi tham quan, học tập, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm được hạch toán vào các mục, tiểu mục thích hợp của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

2. Phụ cấp ưu đãi

a) Đối tượng được hưởng

- Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng

quy định tại khoản 1 mục I Thông tư này hiện đang công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đối tượng quy định tại khoản 1 mục I Thông tư này không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi trong các thời gian sau:

+ Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP);

+ Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng;

+ Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 1 tháng trở lên;

+ Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành;

+ Thời gian bị đình chỉ giảng dạy, công tác.

- Nhà giáo, CBQLGD đã được hưởng phụ cấp ưu đãi theo hướng dẫn tại Thông tư này thì không được hưởng phụ cấp ưu

đãi theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

b) Mức phụ cấp

- Mức phụ cấp 70% mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với nhà giáo, CBQLGD đang công tác tại:

+ Các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Các trường chuyên biệt gồm: Trường trung học phổ thông chuyên; trường phổ thông dân tộc nội trú và trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật.

Riêng nhà giáo, CBQLGD đang công tác tại các trường giáo dưỡng hưởng phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại điểm a và đ khoản 8 Điều 6 của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, trong trường hợp khoản phụ cấp được hưởng

này thấp hơn mức quy định tại điểm b khoản 2 mục II của Thông tư này thì được hưởng thêm tỷ lệ phần trăm (%) chênh lệch để đạt được mức phụ cấp ưu đãi bằng 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);

- Mức phụ cấp 50% mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với nhà giáo, CBQLGD đang công tác tại các trường chuyên biệt không đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc bán trú; trường dự bị đại học và trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao.

c) Cách tính

Mức phụ cấp ưu đãi được hưởng = Mức lương tối thiểu chung x [hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) + % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)] x tỷ lệ % phụ cấp ưu đãi.

Ví dụ 1. Một Hiệu trưởng trường tiểu học công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hệ số lương 3,06 bậc 7 ngạch giáo viên tiểu học (mã ngạch 15.114), phụ cấp chức vụ

lãnh đạo hệ số 0,4, được hưởng phụ cấp ưu đãi mức 70%. Tiền phụ cấp ưu đãi đối với trường hợp này trong 1 tháng được tính như sau:

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2004 đến 30/9/2005 với mức lương tối thiểu chung 290.000đ) = $290.000đ \times (3,06 + 0,4) \times 70\% = 702.380đ$.

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2005 đến 30/9/2006 với mức lương tối thiểu chung 350.000đ) = $350.000đ \times (3,06 + 0,4) \times 70\% = 847.700đ$.

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2006 với mức lương tối thiểu chung 450.000đ) = $450.000đ \times (3,06 + 0,4) \times 70\% = 1.089.900đ$.

Ví dụ 2. Nhà giáo Nguyễn Văn A, hiện đang công tác tại trường giáo dưỡng, cấp bậc quân hàm đại úy, có hệ số lương 5,40, hưởng phụ cấp thâm niên nghề 20%. Mức phụ cấp ưu đãi của nhà giáo Nguyễn Văn A được hưởng thêm như sau:

Mức phụ cấp ưu đãi được hưởng = 70% (phụ cấp ưu đãi theo quy định) - 20% (phụ cấp thâm niên nghề) = 50%.

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2004 đến 30/9/2005 với mức lương tối thiểu chung 290.000đ) = $290.000đ \times 5,40 \times 50\% = 783.000đ$

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2005 đến 30/9/2006 với mức lương tối thiểu chung 350.000đ) = $350.000đ \times 5,40 \times 50\% = 945.000đ$.

- Tiền phụ cấp ưu đãi 1 tháng (tính từ 01/10/2006 với mức lương tối thiểu chung 450.000đ) = $450.000đ \times 5,40 \times 50\% = 1.215.000đ$.

d) Phương thức chi trả

- Phụ cấp này được trả cùng kỳ lương hàng tháng (kể cả thời gian nghỉ hè);

- Khoản phụ cấp này được hạch toán vào mục 102 tiểu mục 08 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

3. Phụ cấp trách nhiệm công việc

a) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I của Thông tư này công tác tại các trường chuyên biệt được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc hệ số 0,3 so với mức lương tối thiểu chung và không hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cách tính

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc được hưởng trong 1 tháng = Mức lương tối thiểu chung x 0,3.

c) Phương thức chi trả

- Phụ cấp trách nhiệm công việc được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng;

- Khoản phụ cấp này được hạch toán vào mục 102 tiểu mục 03 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

4. Phụ cấp thu hút

a) Đối tượng được hưởng

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này kể cả những người mới tốt nghiệp được cấp có thẩm quyền tuyển dụng và bố trí công tác (bao gồm người thuộc địa phương và từ địa phương khác đến) được cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền điều động từ nơi không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đến công tác tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Mức phụ cấp và thời gian hưởng

- Mức phụ cấp thu hút bằng 70% mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);

- Phụ cấp thu hút trả cho thời gian công tác thực tế của nhà giáo, CBQLGD tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhưng thời gian được hưởng phụ cấp thu hút không quá 5 năm.

c) Cách tính

Tiền phụ cấp thu hút được hưởng trong 1 tháng = Mức lương tối thiểu chung x [hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) + % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)] x 70%.

d) Thời điểm tính hưởng

- Nhà giáo, CBQLGD nhận quyết định điều động đến công tác ở cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày 13/7/2006 (là ngày Nghị định số 61/2006/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) trở về sau thì được tính hưởng kể từ ngày nhận quyết định.

Ví dụ 3. Ông Nguyễn Văn B, giáo viên tiểu học được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định ngày 01/8/2006 về công tác tại Trường tiểu học M thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ông B được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày 01/8/2006.

- Nhà giáo, CBQLGD đang công tác tại cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa được hưởng phụ cấp thu hút theo quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP ngày 09/7/2001 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, CBQLGD công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2001/NĐ-CP), thì được tính hưởng phụ cấp thu hút theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày 13/7/2006.

Ví dụ 4. Ông Phan Văn C, giáo viên tiểu học được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định về công tác tại Trường tiểu học thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước ngày 25/7/1996. Từ đó đến nay ông C vẫn đang công tác tại trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ông C chưa hưởng phụ cấp thu hút quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP. Nay ông C được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày 13/7/2006.

- Nhà giáo, CBQLGD đang công tác tại cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đang và đã được hưởng phụ cấp thu hút quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP mà chưa đủ 5 năm thì tiếp tục

được tính hưởng phụ cấp theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày 01/10/2004.

Ví dụ 5. Ông Nguyễn Văn D, giáo viên tiểu học được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định về công tác tại Trường tiểu học thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01/8/2003. Từ đó đến nay, ông D vẫn đang công tác tại trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đang hưởng phụ cấp thu hút quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP thì ông D được tính để truy lĩnh theo mức phụ cấp quy định tại Thông tư này kể từ 01/10/2004 với tổng thời gian hưởng phụ cấp thu hút theo Nghị định số 35/2001/NĐ-CP và Nghị định số 61/2006/NĐ-CP không quá 5 năm.

Ví dụ 6. Bà Lê Thị H, giáo viên tiểu học được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định về công tác tại Trường tiểu học thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01/8/1997. Từ đó đến nay, bà H vẫn đang công tác tại trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã được hưởng phụ cấp thu hút theo quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP từ ngày 25/7/2001 đến ngày 25/7/2002 (thời gian hưởng phụ cấp thu hút là 1 năm), thì bà H được tính hưởng phụ cấp thu hút

theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày 01/10/2004 với tổng thời gian hưởng phụ cấp thu hút theo Nghị định số 35/2001/NĐ-CP và Nghị định số 61/2006/NĐ-CP không quá 5 năm.

e) Phương thức chi trả

- Phụ cấp này được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng (kể cả thời gian nghỉ hè);

- Khoản phụ cấp này được hạch toán vào mục 102 tiểu mục 02 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

5. Thời hạn luân chuyển nhà giáo, CBQLGD và trợ cấp chuyên vùng

a) Đối tượng

- Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền quyết định luân chuyển từ địa bàn không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đến nhận công tác tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày nhận quyết định trong khoảng thời gian tính từ ngày 25/7/2001 trở về sau;

- Người mới tốt nghiệp các trường đào tạo được cấp có thẩm quyền tuyển dụng mới và bố trí công tác tại các cơ sở giáo dục và đào tạo đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày nhận quyết định trong khoảng thời gian tính từ ngày 25/7/2001 trở về sau.

b) Thời hạn luân chuyển và chế độ được hưởng

- Thời hạn luân chuyển nhà giáo, CBQLGD công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là 5 năm đối với nam và 3 năm đối với nữ.

Trong thời gian công tác theo thời hạn luân chuyển quy định mà nhà giáo, CBQLGD bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch), bị đình chỉ công tác thì chưa được giải quyết luân chuyển. Chỉ sau khi chấm dứt hiệu lực kỷ luật, hết thời gian bị đình chỉ công tác thì nhà giáo, CBQLGD mới được luân chuyển và thời gian bị kỷ luật, bị đình chỉ công tác không được tính vào thời gian phục vụ trong thời hạn luân chuyển.

- Sau khi hoàn thành thời hạn phục vụ nêu trên, nhà giáo, CBQLGD được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền sắp xếp luân chuyển công tác đến nơi không thuộc vùng có điều kiện kinh

tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo những nguyên tắc sau:

+ Đối với nhà giáo, CBQLGD được điều động luân chuyển đến công tác tại cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được luân chuyển trở về nơi ở và làm việc cuối cùng trước khi được điều động đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc về vùng không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Đối với những người mới tốt nghiệp được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng mới để bố trí công tác theo thời hạn luân chuyển tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (trừ những trường hợp khi tuyển sinh đi học tại các trường đã có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền bố trí, sắp xếp đến công tác ở cơ sở giáo dục và đào tạo không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Nhà giáo, CBQLGD có nguyện vọng chuyển công tác đi nơi khác, được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền tạo điều kiện đi liên

hệ chuyển công tác và giải quyết chuyển theo nguyện vọng;

+ Khi đã có quyết định luân chuyển về địa phương mới, nhà giáo, CBQLGD phải phục tùng sự phân công công tác của cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo ở địa phương mới chuyển đến, nếu không chấp hành việc bố trí công tác thì tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

- Nhà giáo, CBQLGD không thuộc đối tượng hưởng chế độ thời hạn luân chuyển và những nhà giáo, CBQLGD nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước ngày 25/7/2001 thì không giải quyết việc luân chuyển theo thời hạn nêu trên.

Những nhà giáo, CBQLGD này nếu có nguyện vọng chuyển sẽ được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền ưu tiên sắp xếp, giải quyết chuyển theo quy định hiện hành của ngành giáo dục và đào tạo.

- Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo địa phương nơi nhà giáo, CBQLGD luân chuyển trở về có trách nhiệm tiếp nhận, sắp xếp và bố trí việc làm. Nếu khó khăn về biên chế và quỹ lương thì Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quyết định điều chỉnh biên chế và quỹ lương trong

tổng số biên chế và quỹ lương của tỉnh cho cơ sở tiếp nhận nhà giáo, CBQLGD luân chuyển trở về.

Trong trường hợp cơ sở giáo dục và đào tạo có nhà giáo và CBQLGD chuyển đi cần người đến thay thế thì cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền luân chuyển người khác đến thay thế.

- Hết thời hạn phục vụ theo quy định ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nếu nhà giáo, CBQLGD tình nguyện ở lại tiếp tục công tác và ổn định cuộc sống lâu dài thì được cấp có thẩm quyền căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương xét cấp đất làm nhà, làm kinh tế trang trại, kinh tế gia đình và được vay vốn làm nhà, làm kinh tế với lãi suất ưu đãi trả dần trong 10 năm.

- Khi thực hiện quyết định luân chuyển (kể cả chuyển đi và chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), nếu nhà giáo, CBQLGD có gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) chuyển đi theo thì được trợ cấp tiền tàu, xe, cước hành lý (theo giá vé, giá cước thông thường của phương tiện vận tải công cộng được quy định và hóa đơn tài chính phát hành,) cho các thành viên đi cùng và được trợ cấp chuyển vùng bằng

6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho một hộ (cả gia đình).

c) Phương thức chi trả

- Khoản tiền trợ cấp chuyển vùng và khoản trợ cấp tiền tàu, xe, cước hành lý cho nhà giáo, CBQLGD và các thành viên đi cùng do cơ sở giáo dục và đào tạo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (có nhà giáo, CBQLGD luân chuyển đi và nhận đến) chi trả 1 lần;

- Khoản chi trợ cấp tiền vé, tàu, xe, cước hành lý, trợ cấp chuyển vùng được hạch toán vào mục 105 tiểu mục 99 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

6. Trợ cấp lần đầu

a) Đối tượng và điều kiện được hưởng

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này kể cả những người mới tốt nghiệp được cấp có thẩm quyền tuyển dụng và bố trí công tác được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền luân chuyển đến công tác tại các cơ sở giáo dục và đào tạo đóng trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày 13/7/2006 trở về sau.

b) Mức trợ cấp và giải quyết chỗ ở

- Nhà giáo, CBQLGD đủ điều kiện trên được hưởng một khoản trợ cấp lần đầu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho một người để hỗ trợ mua sắm những vật dụng cần thiết sớm ổn định cuộc sống của bản thân và gia đình;

- Nhà giáo, CBQLGD luân chuyển đến công tác ở cơ sở giáo dục và đào tạo được UBND cấp huyện nơi tiếp nhận giải quyết chỗ ở. Căn cứ vào số lượng nhà giáo, CBQLGD công tác tại cơ sở giáo dục và đào tạo có nhu cầu nhà ở và tình hình thực tế của địa phương, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng trong huyện xây dựng nhà ở tập thể (nhà công vụ) giáo viên hoặc xây thêm phòng ở tại khu tập thể giáo viên cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Phương thức chi trả

- Trợ cấp này được cơ sở giáo dục và đào tạo nơi tiếp nhận nhà giáo, CBQLGD chi trả sau khi nhà giáo, CBQLGD đã nhận công tác;

- Khoản trợ cấp này được hạch toán vào mục 105 tiểu mục 99 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

7. Phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và nước sạch

a) Đối tượng và điều kiện được hưởng

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này đang công tác và sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà tại nơi đang sinh sống thực sự thiếu nước ngọt và nước sạch theo mùa (gọi chung là vùng thiếu nước ngọt).

b) Xác định vùng thiếu nước ngọt, thời gian và mức được phụ cấp

Vùng thiếu nước ngọt theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước hoặc có nhưng không thể dùng để phục vụ cho sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm.

UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể của vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc quyền quản lý để quy định vùng thiếu nước ngọt, thời gian và mức hưởng phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt cho phù hợp.

c) Cách tính

- Thủ trưởng các cơ sở giáo dục tính chi phí phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt theo hướng dẫn sau:

Căn cứ để tính phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt cho một người, bao gồm:

+ Định mức tiêu chuẩn: 6 mét khối/người/tháng. (a)

+ Số tháng thực tế thiếu nước ngọt trong 1 năm. (b)

+ Chi phí mua và vận chuyển 1 mét khối nước ngọt đến nơi ở và làm việc của nhà giáo, CBQLGD do UBND cấp tỉnh quy định. (c)

+ Giá nước ngọt được tính trong tiền lương là giá kinh doanh một mét khối nước sinh hoạt do cấp có thẩm quyền ở địa phương quy định. (d)

Như vậy:

+ Mức phụ cấp được hưởng trong 1 tháng là: $a \times (c - d)$

+ Mức phụ cấp được hưởng trong 1 năm là: $a \times (c - d) \times b$.

- Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này công tác ở các trường thuộc Trung ương quản lý đóng trên địa bàn được hưởng phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt thì được hưởng theo mức quy định của địa phương có trường đóng.

d) Phương thức chi trả

- Khoản phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt được trả bằng tiền cùng kỳ lương hàng tháng;

- Khoản chi phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt được hạch toán vào mục 105 tiểu mục 99 của chương, loại,

khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

8. Phụ cấp lưu động

a) Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang làm chuyên trách về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mà trong tháng có từ 15 ngày trở lên đi đến các thôn, bản, phum, sóc được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương tối thiểu chung theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Khoản phụ cấp này được hạch toán vào mục 102 tiểu mục 06 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

9. Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số

a) Đối tượng và điều kiện được hưởng

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này hiện đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được người đứng đầu đơn vị, cơ sở giáo dục và đào tạo phân công trách nhiệm và đang trực tiếp làm công tác quản lý, chỉ đạo và dạy bằng tiếng và chữ viết của dân tộc

thiếu số theo chương trình, tài liệu dạy học do ngành giáo dục ban hành, không phân biệt hình thức dạy thuần tiếng dân tộc hay dạy song ngữ (tiếng dân tộc - tiếng Việt).

b) Thời gian được hưởng

- Nếu nhà giáo, CBQLGD trực tiếp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số 2 học kỳ trong 1 năm học thì được hưởng phụ cấp 9 tháng trong 1 năm học;

- Nếu nhà giáo, CBQLGD trực tiếp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số 1 học kỳ trong 1 năm học thì được hưởng phụ cấp 4,5 tháng trong 1 năm học;

- Nếu dạy không đủ 1 học kỳ trong 1 năm học thì dạy tháng nào được trả phụ cấp trong tháng đó.

c) Mức phụ cấp và cách tính

Tiền phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số bằng 50% mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Mức phụ cấp được hưởng trong 1 tháng = Mức lương tối thiểu chung x [hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) + % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)] x 50%.

d) Phương thức chi trả

- Phụ cấp này được tính để trả cùng kỳ lương hàng tháng;

- Phụ cấp này chỉ được trả trong thời gian nhà giáo, CBQLGD công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và trực tiếp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số;

- Khoản phụ cấp này được hạch toán vào mục 102, tiểu mục 99 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

10. Chế độ trợ cấp tự học tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ công tác

a) Đối tượng và điều kiện được hưởng

Nhà giáo, CBQLGD thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 1 mục I Thông tư này đang công tác (bao gồm cả người dân tộc thiểu số tự học và sử dụng tiếng dân tộc thiểu số khác) tại các vùng dân tộc thiểu số thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn phải thực sự tự học và sử dụng được thành thạo chữ viết và tiếng nói của người dân tộc thiểu số ở địa phương vào công tác giảng dạy, giáo dục học sinh được cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận đạt chuẩn quy định.

b) Chế độ được hưởng

- Được thanh toán tiền mua tài liệu học tập phục vụ cho việc tự học (không tính tài liệu tham khảo) tiếng và chữ viết

của người dân tộc thiểu số (nếu có) theo hóa đơn tài chính;

- Được trợ cấp tiền bồi dưỡng cho việc tự học tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số. Mức hưởng cụ thể do UBND cấp tỉnh quyết định theo đề nghị của sở giáo dục và đào tạo nhưng không vượt quá 5 triệu đồng cho một người.

c) Phương thức chi trả

- Tiền mua tài liệu học tập (không tính tiền mua tài liệu tham khảo) được cấp mỗi năm 1 lần theo hóa đơn tài chính thực mua và được trả không quá 3 năm;

- Tiền bồi dưỡng tự học được cấp 1 lần khi nhà giáo, CBQLGD tự học đạt được trình độ sử dụng thành thạo tiếng nói và chữ viết của người dân tộc thiểu số vào công tác giảng dạy, giáo dục học sinh và được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo có thẩm quyền xác nhận;

- Khoản tiền mua tài liệu và tiền bồi dưỡng tự học được hạch toán vào các tiểu mục thích hợp thuộc mục 119 của chương, loại, khoản tương ứng theo mục lục ngân sách nhà nước.

11. Khen thưởng

Nhà giáo, CBQLGD đang công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thì được xét phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo

Ưu tú, được xét tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục và các chính sách khen thưởng khác của Nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dự toán kinh phí chi trả các chế độ phụ cấp, trợ cấp ưu đãi theo hướng dẫn tại Thông tư này cho nhà giáo, CBQLGD công tác ở các cơ sở giáo dục và đào tạo (theo biểu 1, biểu 2a, 2b kèm theo) được lập cùng kỳ với dự toán ngân sách chi thường xuyên tại mỗi cấp, mỗi đơn vị để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập chịu trách nhiệm xét duyệt và lập dự toán chi trả theo năm cho đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trong đó có phân tích chi tiết việc chi trả các chế độ phụ cấp, trợ cấp cho nhà giáo, CBQLGD của đơn vị mình), gửi cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp trước ngày 30/4 hàng năm để xét duyệt theo biểu mẫu kèm theo Thông tư này.

3. Các bộ, ngành Trung ương có trách nhiệm tổng hợp đối với các trường, cơ sở do bộ, ngành quản lý (theo biểu số 3, 4a, 4b và 5 kèm theo) gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài

chính trước ngày 31/5 hàng năm về tình hình thực hiện của các bộ, ngành.

Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp đối với các trường, cơ sở do địa phương quản lý (theo biểu số 3, 4a, 4b và 5 kèm theo) về dự toán kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tại Thông tư này báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định. UBND cấp tỉnh tổng hợp gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trước ngày 31/5 hàng năm về tình hình thực hiện ở địa phương.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 11/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTCCBCP-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 3 năm 2002 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ), Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 35/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, CBQLGD đang công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút và phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số quy định tại khoản 2, đoạn 3 điểm d khoản 4 và khoản 9 mục II của Thông tư này được tính hưởng từ ngày 01 tháng 10 năm 2004. Các chế độ trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phụ cấp trách nhiệm công việc; thời hạn luân chuyển nhà giáo, CBQLGD và trợ cấp chuyên vùng; trợ cấp lần đầu; phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và nước sạch; phụ cấp lưu động; chế độ trợ cấp tự học tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ công tác quy định tại Thông tư này được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; ngày đăng Công báo của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP là ngày 28 tháng 6 năm 2006).

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Trần Văn Tuấn

Nguyễn Văn Vọng

Đơn vị:.....

**CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP, ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TẠI
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ
(Trừ trường chuyên biệt thuộc vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn)**

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Họ và tên	Lương NB + PC CV + PCTNVK			% phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trách nhiệm	Trợ cấp tham quan học tập bồi dưỡng CM nghiệp vụ	Tổng phụ cấp trợ cấp 1 năm (cả trích KPCĐ)
		Tổng số	Lương ngạch bậc	P/cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung				
		1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số							
2	Họ và tên A							
3	Họ và tên B							
	Họ và tên C							
							

Tổng biên chế đơn vị:

Người

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TẠI TRƯỜNG
 CHUYÊN BIỆT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: đồng

Số TT	Họ và tên	Lương NB và PC CV+PCTNVK			% phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lưu động	Phụ cấp trách nhiệm (*)	Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết người dân tộc 1 tháng	Tổng cộng phụ cấp 1 tháng	Tổng phụ cấp năm (cá trích KPCĐ)
		Tổng số	Hệ số lương N.bậc	Hệ số P/cấp chức vụ + PCTNVK							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số										
1	Họ và tên A										
2	Họ và tên B										
3	Họ và tên C										
										

Tổng biên chế đơn vị: _____ người

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: - Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc ít người 1 năm
 được tính theo tháng thực tế tham gia giảng dạy.

(Ký tên, đóng dấu)

- Cột phụ cấp trách nhiệm chỉ dùng cho trường chuyên biệt.

Đơn vị:

**CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC Ở VÙNG
CÓ ĐIỀU KIỆN KTXH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP
NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ**

Số TT	Họ và tên	Trợ cấp chuyên vùng	Trợ cấp lần đầu	Trợ cấp tham quan học tập bồi dưỡng CM nghiệp vụ	Trợ cấp tự học tiếng và chữ viết người dân tộc thiểu số để phục vụ công tác			Phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch			Tổng cộng phụ cấp trợ cấp năm
					Tiền mua tài liệu	Bồi dưỡng tự học	Kinh phí năm	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng được hưởng	Kinh phí năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổng số										
2	Họ và tên A										
3	Họ và tên B										
	Họ và tên C										
										

Tổng biên chế đơn vị..... người

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP, ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TẠI TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ
(Trừ trường chuyên biệt thuộc vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn)

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số đối tượng được hưởng	Lương NB + P/cấp CV và phụ cấp thâm niên vượt khung			% phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trách nhiệm	Trợ cấp tham quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ		Tổng P/cấp trợ cấp năm (cả trích KPCĐ)
			Tổng số	Lương ngạch bậc	P/cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung			Đối tượng	Kinh phí năm	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổng số Xã A									
1.1	Tên đơn vị A									
1.2	Tên đơn vị B									
									
2	Tổng số Xã B									
2.1	Tên đơn vị A									
2.2	Tên đơn vị B									

Bộ, ngành hoặc UBND
(Ký tên và đóng dấu)

CÔNG BỐ/ SỐ 284 + 285/28-4-2007/VBQP/PS/STP/462 14397

Bộ, ngành hoặc UBND

**TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO,
ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ**

Số TT	Chi tiêu	Phụ cấp ưu đãi						% phụ cấp thu hút				
		Tổng số đối tượng được hưởng	Lương ngạch bậc và phụ cấp chức vụ			Phụ cấp ưu đãi	Số tiền 1 tháng	Tổng số đối tượng được hưởng	Lương ngạch bậc và phụ cấp chức vụ			Phụ cấp thu hút
			Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	PCCV và PC TNVK				Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	PCCV và PC TNVK	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổng số Xã A											
1.1	Trường A											
1.2	Trường B											
											
2	Xã B											
2.1	Trường A											
2.1	Trường B											

Ghi chú: Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc ít người 1 năm được tính

Biểu số: 4a

CÁN BỘ QUẢN LÝ VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KTXH
61/2006/NĐ-CP NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: Ngân đồng

Phụ cấp lưu động				Phụ cấp trách nhiệm (trường chuyên biệt)		Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc ít người					Tổng cộng phụ cấp 1 tháng	Tổng phụ cấp 1 năm (cả trích KPCĐ)
Số tiền 1 tháng	Tổng số đối tượng được hưởng	Phụ cấp lưu động	Số tiền 1 tháng	Tổng số đối tượng được hưởng	Số tiền 1 tháng	Tổng số đối tượng được hưởng	Lương ngạch bậc và phụ cấp chức vụ			Tổng phụ cấp tháng		
							Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	PCCV và PC TNVK			
12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24

theo tháng thực tế tham gia giảng dạy.

Bộ, ngành hoặc UBND
(Ký tên và đóng dấu)

09635193

TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC
 Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KTXH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP
 NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Trợ cấp chuyển vùng		Trợ cấp lần đầu		Trợ cấp tham quan học tập bồi dưỡng CM, nghiệp vụ		Trợ cấp tự học tiếng và chữ viết người dân tộc thiểu số để phục vụ công tác			Phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và nước sạch				Tổng cộng phụ cấp trợ cấp năm	
		Đối tượng	Kinh phí năm	Đối tượng	Kinh phí năm	Đối tượng	Kinh phí năm	Đối tượng	Tiền mua tài liệu	Bồi dưỡng tự học	Kinh phí năm	Đối tượng	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng được hưởng		Kinh phí năm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số															
1	Xã A															
1.1	Tên đơn vị A															
1.2	Tên đơn vị B															
															
2	Xã B															
2.1	Tên đơn vị A															
2.2	Tên đơn vị B															

Bộ, ngành hoặc UBND
 (Ký tên và đóng dấu)

Bộ, ngành hoặc UBND

Biểu số: 5

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP, ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TẠI TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT VÀ VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KTXH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2006/NĐ-CP NGÀY 20/6/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

Số TT	Chi tiêu	Tổng số đối tượng được hưởng các chế độ	Kinh phí tăng thêm		Kinh phí năm 2006
			3 tháng 2004 (10, 11, 12)	Năm 2005	
	Tổng số				
I	Cộng trường chuyên biệt				
1	Phụ cấp ưu đãi Tr.đó: Trường bán trú				
2	Phụ cấp trách nhiệm				
3	Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ				
II	Cộng vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn				
1	Phụ cấp ưu đãi				
2	Phụ cấp thu hút				
3	Phụ cấp lưu động				
4	Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết người dân tộc thiểu số				
5	Trợ cấp chuyển vùng				
6	Trợ cấp lần đầu				
7	Trợ cấp tham quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ				
8	Trợ cấp tự học bằng tiếng và chữ viết người dân tộc thiểu số				
9	Phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt				

Bộ, ngành hoặc UBND
(Ký tên và đóng dấu)

09635193